TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 02/2017/HNGĐ-PT Ngày 20-7-2017 V/v Hôn nhân và gia đình (Không công nhận hôn nhân)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Thẩm phán Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Mùi K. Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Lý Kiềm M. Sinh năm 1983

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nông Văn Dự, trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lý Mùi D. Sinh năm 1964

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

Ông Phượng Quầy C. Sinh năm 1980

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

Ông Lý Kiềm N. Sinh năm 1975

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

Ông Triệu Phụ C. Sinh năm 1963

Địa chỉ: Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng. (Có mặt)

- *Người kháng cáo*: bị đơn Lý Kiềm M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Mùi D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Đặng Mùi K chung sống với anh Lý Kiềm M từ năm 2004, không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2011, anh chị phát sinh mâu thuẫn theo chị K là do anh M có quan hệ và chung sống với người khác từ năm 2011. Anh chị thường xuyên cãi vã đến tháng 4 năm 2016 mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm và dẫn tới xô xát khiến chị K phải đi viện điều trị, anh M bị thương. Từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị K nhận thấy không còn tình cảm với anh M, không có khả năng hàn gắn, khắc phục nên yêu cầu được ly hôn.

Anh Lý Kiềm M xác nhận về thời gian chung sống không có đăng ký kết hôn như chị K trình bày là đúng. Theo anh M mâu thuẫn là do chị K nghi ngờ anh nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Anh đã khuyên bảo nhưng chị K thường xuyên chửi bới, xúc phạm anh. Tháng 4 năm 2016 chị K và mẹ đẻ chị là bà C chửi bới, xúc phạm anh dẫn đến đánh nhau. Từ đó chị K bỏ về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Anh M đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lý Mùi L, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2005. Nếu được ly hôn, chị K yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con

chung cho đến khi tròn 18 tuổi và yêu cầu anh M đóng góp phí tổn nuôi con 1.000.000đ/ tháng. Anh M đồng ý để chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nhưng không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Lý Kiềm M và chị K có những tài sản chung sau:

1. Một ngôi nhà gỗ ở Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng, cả nhà và đất tổng diện tích 1.007,7m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 205004 và BI 205005 do hai vợ chồng đứng tên. Chị K, anh M, bà D cùng xác nhận đất đai là do cha ông của ông M để lại và thống nhất cả nhà và đất trị giá 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng), (Trong đó đất trị giá 40.000.000,đ), nhà trị giá 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng).

2. Một mảnh đất tại ngã ba Ca T, thuộc xóm Lũng L, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, diện tích 358m^2, do hai vợ chồng đứng tên. Đất mua năm 2010, hết 40.000.000,đ đã dựng một ngôi nhà xây vào năm 2010. Chị K, anh M, bà D tự thống nhất cả nhà và đất trị giá 370.600.000,đ (Ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) (Trong đó nhà và đất đã xây dựng trị giá 350.000.000,đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), nền nhà còn lại trị giá 20.600.000,đ (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Ruộng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044648, từ số BI 205006 đến số BI 205009 do hai anh chị đứng tên. Chị K, Anh M, bà D cùng xác nhận đất đai là do tổ tiên anh M để lại và tự thống nhất trị giá 290.000.000,đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

4. Một xe máy Exiter màu xanh, biển kiểm soát 11-N1.01781 mua năm 2014. Hiện nay anh M đang quản lý, sử dụng. Anh chị tự thống nhất trị giá 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

5. Một xe máy Honda RS, biển kiểm soát 11-B1.19708 mua tháng 9 năm 2016. Anh chị tự thống nhất trị giá 20.000.000,đ. Hiện nay chị K đang quản lý sử dụng.

6. Một chiếc máy cày, năm 2016 chị K bán được 5.000.000,đ (Năm triệu đồng)

7. Có 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền mặt, chị K đang quản lý.

Nếu ly hôn chị K yêu cầu về tài sản như sau:

1. Nhà gỗ ở Xiên P làm năm 2006, không yêu cầu chia đất. Với giá trị nhà, chị K góp tiền mặt 6.000.000,đ (Sáu triệu đồng) giúp xẻ gỗ, vác cây dựng nhà. Yêu cầu chia giá trị nhà làm 3 phần, chị K, anh M, bà D mỗi người 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Chị K yêu cầu chia đôi số tài sản sau: Nhà và đất ở ngã ba Ca T, toàn bộ ruộng đất nông nghiệp, xe máy Exiter màu xanh biển kiểm soát 11-N1.01781.

3. Không chia xe máy Honda RS biển kiểm soát 11-B1.19708 cho anh M vì đây là xe chị tự mua sau khi đã về nhà mẹ đẻ sinh sống.

4.5. Đối với số tiền bán máy cày, chị đã tiêu dùng vào sinh hoạt hàng ngày nên không còn.

Đối với số tiền mặt 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng), sau khi bị anh M đánh vào viện điều trị đã chi tiêu hết 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) còn 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) là tiền làm ăn riêng của chị, không đồng ý chia cho anh M.

Anh M không đồng ý với yêu cầu của chị K và yêu cầu về tài sản như sau:

1. Nhà gỗ ở Xiên P là do bố mẹ đẻ của anh bán nhà cũ để làm năm 2006, lúc đó chị K vừa về chung sống với mẹ nên không có đóng góp, tiền do mẹ bỏ ra, yêu cầu trả lại nhà cho bà Lý Mùi D.

2. Đối với nhà và đất ở ngã ba Ca T, tiền mua đất và làm nhà do mẹ của anh M bỏ ra, anh yêu cầu trả lại nhà cho bà D.

3. Đối với số ruộng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044648, từ số BI 205006 đến số BI 206009 là do từ thời ông bà của anh để lại trước khi chị K về chung sống, yêu cầu trả lại cho bà D.

4. Anh M yêu cầu chia đôi số tài sản sau của hai vợ chồng: Một xe máy Exiter màu xanh, biển kiểm soát 11-N1.01781; Một xe Honda RS, biển kiểm soát 11-B1.19708; Tiền bán máy cày 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) và 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền mặt.

Bà Lý Mùi D trình bày: M và K sống chung với bà. Hai người không có tài sản chung. Ngôi nhà ở Xiên P và ngã ba Ca T là do bà bỏ tiền ra làm và mua. Ruộng đất nông nghiệp là của ông bà để lại cho. Chồng bà đã mất, chỉ còn một M bà sống cùng anh chị nên năm 2011 cho con trai và con dâu đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà chỉ cho hai con quản lý, sử dụng để

cùng nhau làm ăn mà không cho hẳn. Nay, hai con yêu cầu ly hôn bà yêu cầu trả lại số tài sản trên cho bà.

Ngoài ra, bà D yêu cầu chị K trả lại cho bà số tài sản mà bà đã cho chị khi về chung sống với anh M, gồm: một đôi vòng cổ bằng bạc, một dây đeo cổ, một đồng bạc trắng, một đôi vòng tay, một chiếc áo dân tộc có gắn hoa bạc. Chị K không đồng ý trả lại số trang sức bà D đã cho.

Anh M và chị K có cho vay một số tài sản chung sau:

Cho ông Lý Kiềm N, trú tại Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng vay thực phẩm trị giá 2.336.000,đ (Hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Cho ông Phượng Quầy C, trú tại Xiên P, Vũ N, Nguyên B, Cao Bằng vay thực phẩm tổng trị giá 4.325.000,đ (Bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Cho ông Triệu Phụ C, trú tại Nộc X, Ca T, Nguyên B, Cao Bằng vay thực phẩm trị giá 3.275.000,đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh M và chị K thống nhất chia đôi số tiền cho vay 9.936.000,đ (Chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng), mỗi người được 4.968.000,đ (Bốn triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó: Ông Phượng Quầy C sẽ thanh toán nợ cho anh M; ông Lý Kiềm N, ông Triệu Phụ C sẽ thanh toán nợ cho chị K. Chị K thanh toán chênh lệch cho anh M số tiền 643.000,đ (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), những người vay nợ đồng ý thoả thuận của anh chị.

Vụ án đã được hoà giải về phần tài sản chung nhưng không thành.

Tại bản án số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8, khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Đặng Mùi K và ông Lý Kiềm M không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Mùi L, sinh ngày 18/02/2005 cho bà Đặng Mùi K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu Liều tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Bà Đặng Mùi K được chia:

+ Một phần ba giá trị ngôi nhà gỗ là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Nền đất chưa xây dựng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 205010, địa chỉ Ngã ba Ca T, thuộc xóm Lũng L, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng trị giá 20.600.000,đ (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) và được ông M thanh toán 102.933.333,đ (Một trăm linh hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà.

+ Một phần ba số tiền san lấp, cải tạo ruộng đất nông nghiệp tương ứng với số tiền 18.000.000,đ (Mười tám triệu đồng).

+ Một chiếc xe máy Honda RS, biển kiểm soát 11-B1.19708, trị giá 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Một phần hai giá trị chiếc xe máy Exiter màu xanh, biển kiểm soát 11-N1.01781 tương ứng với số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

+ 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) tiền mặt, bà K có trách nhiệm thanh toán cho ông M 5.000.000,đ (Năm triệu đồng).

Tổng giá trị: 196.533.333đ.

Anh Lý Kiềm M được chia:

+ Một phần ba giá trị ngôi nhà gỗ tương ứng với số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Một phần ba số tiền san lấp, cải tạo ruộng đất nông nghiệp tương ứng với số tiền 18.000.000,đ (Mười tám triệu đồng).

+ Ngôi nhà xây và phần đất ở chưa xây dựng của ông M, bà K kéo dài vuông góc về phía sau của ngôi nhà, địa chỉ ngã ba Ca T, thuộc xóm Lũng L, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 205010

trị giá 350.000.000,đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Ông M có trách nhiệm thanh toán cho bà K 102.933.333,đ (Một trăm linh hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và bà D 123.533.333,đ (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền chênh lệch ngôi nhà.

+ Một chiếc xe máy Exiter màu xanh, biển kiểm soát 11-N1.01781, trị giá 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng). Ông M có trách nhiệm thanh toán cho bà K số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) tiền chênh lệch chiếc xe.

+ 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) tiền mặt.

Tổng trị giá: 176.533.333,đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà D được chia:

+ Ngôi nhà gỗ tại xóm Xiên P, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 205004 và BI 205005, trị giá 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà D có trách nhiệm thanh toán cho ông M và bà K mỗi người 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Toàn bộ số ruộng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044648, từ số BI 205006 đến số 205009, trị giá 290.000.000,đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Bà D có trách nhiệm thanh toán cho ông M và bà K mỗi người 18.000.000,đ (Mười tám triệu đồng) tiền san lấp, cải tạo ruộng đất.

+ Một phần ba giá trị nhà và đất tại ngã ba Ca T tương ứng với số tiền 123.533.333,đ (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng trị giá: 397.533.333,đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh M và chị K chia đôi giá trị tài sản đã cho vay tương ứng với số tiền 4.968.000,đ (Bốn triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó: Ông Phượng Quầy C sẽ thanh toán nợ cho anh M số tiền 4.325.000,đ (Bốn triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng). Ông Lý Kiềm N sẽ thanh toán cho bà K số tiền 2.336.000,đ (Hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Ông Triệu Phụ C sẽ thanh toán cho chị K số tiền 3.275.000,đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Chị K thanh toán chênh lệch cho anh M số tiền 643.000,đ (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Bác yêu cầu của bà D yêu cầu chị K trả lại số tài sản đã tặng cho chị gồm một đôi vòng cổ bằng bạc, một dây đeo cổ, một đồng bạc trắng, một đôi vòng tay, một chiếc áo dân tộc có gắn hoa bạc.

Bác yêu cầu của bà K yêu cầu chia 11 đám ruộng.

Bác yêu cầu của ông M yêu cầu chia 15.000.00,đ (Mười năm triệu đồng) tiền mặt và 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) tiền bán máy cày.

Bác yêu cầu của ông M yêu cầu bà K chia đôi chiếc xe máy Honda RS, biển kiểm soát 11-B1. 19708.

Ngoài ra án đã tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 4 năm 2017 bị đơn Lý Kiềm M có đơn kháng cáo không nhất trí phần chia tài sản chung của vợ chồng tại bản án số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Mùi D kháng cáo phần chia tài sản chung tại bản án số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Cụ thể: bà không đồng ý chia ba hai ngôi nhà, yêu cầu trả lại toàn bộ cho bà và yêu cầu bà K trả lại số trang sức mà bà D đã cho bà K khi về làm dâu.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh Lý Kiềm M và chị Đặng Mùi K xuất trình cho Toà án biên bản thoả thuận giữa anh chị tự phân chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống.

- Chia cho chị K 1/3 giá trị ngôi nhà gỗ ở Vũ N là 20.000.000đ;

- Chị K được chia giá trị nhà xây cấp IV và đất liền nhà ở ngã ba Ca T với số tiền 40.000.000đ.

- Chị K không lấy đất ở bằng hiện vật, anh M trả cho chị K giá trị đất ở ngã ba Ca T như án sơ thẩm chia là 20.600.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Chị K được sử dụng 02 thửa ruộng Co Choong Lình do hai vợ chồng mua được tại Nộc X, Ca T, Nguyên B theo giấy viết tay mua với ông Triệu C P và ông Lý D P.

- Anh M được sử dụng 01 đám rẫy ngô tên gọi Bành Cánh ở Lũng L, Vũ N, Nguyên B.

- Anh M được sở hữu xe Exciter và trả cho chị K ½ giá trị xe là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Nhất trí chia đôi số tiền mặt 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do chị K giữ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà chị K được chia là 95.600.000đ (Chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ đi 5.643.000đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền mặt phải thanh toán cho anh M, tính tròn số là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền mặt chị giữ. Anh M còn phải thanh toán cho chị là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng);

Anh Lý Kiềm M được hưởng:

- Giá trị nhà xây và đất ở ngã ba Ca T, Nguyên B là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

- Được sử dụng phần đất ở chưa xây dựng bên cạnh nhà và phải trả cho chị K 20.600.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) giá trị quyền sử dụng đất.

- Được sở hữu xe máy Exciter biển kiểm soát 11 - N1.01781 và trả cho chị K ½ giá trị xe là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Được sử dụng 01 đám rẫy ngô Bành Cánh theo giấy tờ mua bán bằng chữ nho có nội dung ông Triệu Chàn Phin bán cho anh M với giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Anh M và bà D hiện nay sống chung nên không yêu cầu chia tách giá trị tài sản mà anh được hưởng ra khỏi khối tài sản chung của cả gia đình. Anh M tiếp tục đứng tên trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chia tiền công cải tạo ruộng đất vì đã chi trả trong thời kỳ sống chung.

Số tiền cho vay thực phẩm nhất trí chia đôi như ở trước phiên hòa giải tại cấp sơ thẩm.

Anh M đã trả cho chị K đủ số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng). Chị K đã trả lại cho anh M GCNQSD đất, anh M đã nhận đủ 08 GCNQSD đất mang tên hai anh chị.

Nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con chung Lý Mùi L là 600.000đ/tháng cho đến tuổi thành niên.

Biên bản có chữ ký của anh M, chị K, em trai chị K là người làm chứng và được lập tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Cao Bằng. Đề nghị toà án cấp phúc thẩm ghi nhận trong bản án.

Bà Lý Mùi D trình bày nhất trí với nội dung thoả thuận về tài sản của hai anh chị, đề nghị toà án công nhận sự thoả thuận của anh M và chị K. Nhất trí cho anh M đứng tên trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà D không yêu cầu chị K trả lại cho bà các đồ trang sức bằng bạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên toà phát biểu quan điểm: Công sức đóng góp vào khối tài sản gia đình của các đương sự là khác nhau. Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung và phân chia đều làm 3 phần cho bà D, chị K và anh M là chưa hợp lý. Kháng cáo của các đương sự M, D là có căn cứ. Nhưng trước khi mở phiên toà phúc thẩm các đương sự đã tự thoả thuận được việc phân chia tài sản chung và đã thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ phải thực hiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa phần tài sản của bản án số 05/2017/HNGDDST ngày 27/3/2017 của Toà án nhân dân huyện B theo nội dung biên bản thoả thuận của các đương sự.

Trong quá trình thẩm định đối với đất ở tại Ca T, toà án cấp sơ thẩm tính toán số liệu không chính xác, Viện kiểm sát kiến nghị với toà án cấp phúc thẩm để yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Phạm vi kháng cáo: Anh M và chị K chung sống không có đăng ký kết hôn, khi chị K yêu cầu ly hôn, án sơ thẩm thụ lý, giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân và giải quyết về con chung, tài sản chung là đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm chỉ xem xét kháng cáo của các đương sự về phần tài sản và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Xét đề nghị công nhận sự thoả thuận của anh Lý Kiềm M và chị Đặng Mùi K:

[2.1]. Án sơ thẩm nhận định anh M và chị K có 11 năm chung sống, tạo dựng nên một số tài sản chung, và giải quyết quyền lợi cho anh, chị theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định của pháp luật dân sự là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chia những tài sản có công sức đóng góp của chị K làm ba phần bằng nhau là không đúng pháp luật vì chị K chỉ được chia phần công sức trong khối tài sản tăng thêm kể từ khi chị về chung sống; bà D là người có công sức đóng góp nhiều nhất và nguồn gốc hình thành nên 02 ngôi nhà ở hiện nay phần lớn là do bán đất, bán trâu, bán trúc... để tạo dựng nên.

[2.2]. Ruộng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044648, từ số BI 205006 đến số BI 205009 do hai anh chị đứng tên; chiếc máy cày chị K đã bán được 5.000.000,đ và chi tiêu hết; xe máy Honda RS, biển kiểm soát 11-B1.19708 mua tháng 9 năm 2016 trị giá 20.000.000,đ do chị K quản lý sử dụng. Cấp sơ thẩm không xác định những tài sản này là tài sản chung hoặc không chia công sức; Bà D không có yêu cầu độc lập về tài sản, nhưng vẫn tính án phí giá ngạch đất nông nghiệp đối với bà D và tính án phí giá ngạch hai chiếc xe đối với chị K là làm thiệt hại đến quyền lợi của đương sự nên cần giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Việc chia đất ở bằng hiện vật cho chị K: Tiền mua đất ở ngã ba Ca T do hai anh chị bỏ ra 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng); bà D cho 10.000.000,đ (Mười triệu đồng), chị là người trực tiếp nuôi con nên cần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chị và con gái. Nhưng mâu thuẫn giữa hai anh chị thật sự nghiêm trọng, trước khi giải quyết việc hôn nhân, anh M, chị và mẹ chị đã xô xát đến mức anh M phải chịu trách nhiệm hình sự và đã vay tiền để bồi thường cho mẹ chị K 120.000.000,đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) nên việc toà án cấp sơ thẩm chia cho chị K sử dụng đất là không phù hợp.

[3]. Trước khi mở phiên toà phúc thẩm, ngày 19/7/2017, anh M, chị K đã thoả thuận được với nhau về việc chia tài sản chung là giá trị nhà, đất nông nghiệp mua được, số tiền cho vay và cấp dưỡng nuôi con chung. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lý Mùi D hoàn toàn nhất trí, không yêu cầu chị K trả lại đồ trang sức ngày cưới, toà án cấp phúc thẩm không giải quyết. Thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nhu cầu sử dụng tài sản của các bên và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; do đó cần được công nhận theo biên bản thoả thuận mà không cần thiết xem xét nội dung kháng cáo của các bên.

Theo đó, Tổng giá trị tài sản anh M được hưởng là:

- Tiền giá trị nhà gỗ ở Vũ N: 20.000.000,đ;

- Giá trị nhà xây và đất ở Ca T: 40.000.000,đ.

- Giá trị đất ở tại ngã ba Ca T: 20.600.000,đ

- 1/2 giá trị xe máy Exciter: 10.000.000,đ

- Tiền mặt: 5.000.000,đ

Tổng cộng: 95.600.000,đ;

- Anh M được sử dụng 01 đám rẫy ngô tên gọi Bành Cánh ở Lũng L, Vũ N, Nguyên B.

Như vậy, tài sản thuộc quyền sở hữu của bà D là:

- Giá trị còn lại của nhà gỗ tại Xiên P, Vũ N, Nguyên B; giá trị còn lại của nhà xây, đất ở Ngã ba Ca T sau khi đã trừ đi phần công sức đóng góp của anh M và chị K.

- Ruộng đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044648, số BI 205006; BI 205009; BI 205007; BI 205008; BI 205010; BI 205005; BI 205004.

[4]. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Mức cấp dưỡng án sơ thẩm tuyên và các đương sự nhất trí 600.000,đ/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật về mức lương cơ bản cũng như hoàn cảnh và thu nhập hiện nay của anh M. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Đối với các thửa ruộng ở Nộc X và Lũng L anh M chị K mua được: Qua xác minh toà án thấy thực tế hai anh chị có mua được số ruộng đất này nhưng giá trị của hai thửa ruộng chưa được xác định, tuy nhiên anh chị đã tự nguyện thoả thuận, UBND xã nơi có đất cũng xác nhận thực tế có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên cần công nhận để đảm bảo quyền lợi cho hai anh chị;

Đối với phần tài sản của bà Lý Mùi D do bà D không có yêu cầu độc lập về việc chia tài sản trong vụ án, chị K chỉ được chia tài sản do hai anh chị làm ra nên việc bản án sơ thẩm tính giá trị tất cả những tài sản thuộc quyền sở hữu của bà D để buộc bà D chịu án phí là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên toà án cấp phúc thẩm không buộc bà phải chịu án phí.

Thoả thuận của các đương sự là tình tiết mới, nội dung không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên nên cần chấp nhận đề nghị của các đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng để sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thoả thuận của anh Lý Kiềm M, chị Đặng Mùi K và bà Lý Mùi D.

Các đương sự đã tự nguyện thoả thuận và tự nguyện thanh toán cho nhau chênh lệch về tài sản nên chị K, anh M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo nội dung thoả thuận. Anh Lý Kiềm M và Chị Đặng Mùi K mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng là:

95.600.000,đ x 5% = 4.780.000,đ (Bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS

Áp dụng Điều 219 BLDS; các Điều 9, 14, 16, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án. Xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của anh Lý Kiềm M, chị Đặng Mùi K và bà Lý Mùi D.

Sửa phần tài sản của bản án DSST số 05/2017/TLPT-DS ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Về giá trị tài sản chung: Chị Đặng Mùi K được chia giá trị tài sản tổng cộng 95.600.000,đ (Chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) được trừ đi 5.600.000,đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chênh lệch tài sản chị phải thanh toán cho anh M và 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) tiền mặt chị được giữ, số tiền còn lại chị K được hưởng là 85.000.000,đ (Tám mươi lăm triệu đồng).

- Về đất: Chị K được chia quyền sử dụng 02 thửa ruộng ở Nộc X, Ca T, Nguyên B, Cao Bằng theo giấy mua bán viết tay ngày 24/10/2016 giữa ông Triệu

C P với chị Đặng Mùi K, và giấy mua bán viết tay ngày 22/11/2016 giữa ông Lý D P với chị Đặng Mùi K.

Xác nhận chị K đã nhận đủ 85.000.000,đ (Tám mươi lăm triệu đồng) theo biên bản thoả thuận ngày 19/7/2017 tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng và giao trả anh M 08 GCNQSD đất ở, đất nông nghiệp mang tên Lý Kiềm M, Đặng Mùi K.

Xác nhận xe máy Wave RS biển kiểm soát 11 - B1.19708, giấy đăng ký xe mang tên Đặng Mùi K là tài sản riêng thuộc quyền sở hữu của chị Đặng Mùi K.

Anh Lý Kiềm M được chia tổng giá trị tài sản 95.600.000,đ (Chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Được sở hữu xe máy Exciter màu xanh biển kiểm soát 11 - N1.01781.

Được sử dụng 01 đám rẫy ngô Bành Cánh tại Lũng L, Vũ N, Nguyên B theo Giấy mua bán viết tay bằng chữ nho giữa anh với ông Phượng C P có ghi giá tiền 14.000.000,đ (Mười bốn triệu đồng);

- Anh M có nghĩa vụ hoàn trả cho chị K 90.600.000,đ (Chín mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chênh lệch giá trị tài sản nhưng trừ đi số tiền 5.600.000,đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) chị K phải trả chênh lệch tài sản cho anh và 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) chị K đã giữ, anh còn phải trả cho chị K 85.000.000,đ (Tám mươi lăm triệu đồng). Xác nhận anh M đã thanh toán xong cho chị K số tiền 85.000.000,đ (Tám mươi lăm triệu đồng) theo biên bản ngày 19/7/2017 tại trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận anh M đã nhận lại đủ 08 GCNQSD đất sau: BI 044648 ngày 9/12/2011 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Lý Kiềm M sinh năm 1983 và bà Đặng Mùi K sinh năm 1981. Địa chỉ thường trú xóm Xiên P, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BI 205006, BI 205007, BI 205008, BI 205010, BI 205009, BI 205005 đều cùng ngày 29/11/2011; BI 205004 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01004 không rõ ngày cấp. Các giấy chứng nhận đều do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Lý Kiềm M sinh năm 1983 và bà Đặng Mùi K sinh năm 1982. Địa chỉ thường trú xóm Xiên P, xã Vũ N, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận bà D đồng ý cho anh M tiếp tục đứng tên trong các GCNQSD đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sủ dụng đất, quyền sở hữu nhà của bà.

Anh Lý Kiềm M, chị Đặng Mùi K có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan chức năng huyện B để kê khai, xin cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất nông nghiệp chưa có GCNQSD đất được chia.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lý Kiềm M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lý Mùi L với mức 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến tuổi thành niên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Chị Đặng Mùi K và anh Lý Kiềm M mỗi người phải chịu 4.780.000,đ (Bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Hợp